

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA XÃ HỘI DÂN SỰ CẤP TOÀN CẦU VÀ KHU VỰC LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)

PGS.TS. Đinh Công Tuấn
Viện Nghiên cứu Châu Âu

1. Khái quát quá trình hình thành phát triển và hoạt động xã hội dân sự (XHDS) cấp toàn cầu

Những năm gần đây, mối quan tâm về những tổ chức nằm ở khoảng không gian xã hội giữa nhà nước và thị trường ngày càng tăng lên trên thế giới. Lĩnh vực này được biết đến với những cái tên như “khu vực phi lợi nhuận” “tự nguyện”, “XHDS”, “khu vực thứ ba”, “nền kinh tế mang tính xã hội” (social economy), “khu vực thiện nguyện” v.v... Các thiết chế này gồm rất nhiều loại tổ chức khác nhau như bệnh viện, câu lạc bộ xã hội, tổ chức nghề nghiệp, trung tâm nuôi dạy trẻ ban ngày, các tổ chức phát triển cơ sở, phòng khám đa khoa, nhóm bảo vệ môi trường, tổ chức tư vấn gia đình, hiệp hội tôn giáo, câu lạc bộ thể thao, trung tâm đào tạo nghề, nhóm tự lực, nhóm quyền con người, hiệp hội cộng đồng, nhóm cung cấp cháo từ thiện, các nhà tạm trú cho người vô gia cư v.v...

Các loại hình tổ chức này rất đa dạng song đều có điểm chung là thuộc khu vực mang tính chất “xã hội” và mang tính chất “tư nhân” chứ không phải là bộ phận, hoạt động của chính phủ. Tuy vậy, khác với một

số tổ chức tư nhân (doanh nghiệp), hoạt động của họ nhằm phục vụ cho mục đích cộng đồng, công cộng chứ không đơn thuần là nhằm tạo ra lợi nhuận cho những người tham gia vào hoạt động đó. Vì vậy, trong các tổ chức này dường như hàm chứa hai động lực tương phản: Thứ nhất, đó là cam kết đối với sáng kiến cá nhân và tự do, với ý tưởng là mọi người đều có quyền dựa trên quyền lực của chính mình để cải thiện chất lượng cuộc sống của bản thân hoặc đời sống của những người mà mình quan tâm; Thứ hai, nhấn mạnh đến sự đoàn kết với mục đích là mọi người có trách nhiệm không chỉ với bản thân mà với cả cộng đồng trong đó mình là một thành phần. Điểm đặc biệt của các tổ chức xã hội này, các tổ chức của khu vực phi lợi nhuận, hay XHDS là đã dung hoà hai động lực này và tạo ra các thiết chế tư nhân phục vụ cho mục đích công cộng chung.

Trong lịch sử thế giới, sự tồn tại những thiết chế này không phải là điều gì mới mẻ. Các thiết chế phi lợi nhuận, thiện nguyện đã tồn tại lâu dài trong mọi xã hội, được coi như sản phẩm của các động cơ tôn giáo, phong trào xã hội, lợi ích văn hoá hoặc nghề

ngiệp, tinh thần đoàn kết và tương hỗ lẫn nhau, sự hi sinh và gần đây, là do bản thân các chính phủ có nhu cầu cần được hỗ trợ để thực hiện tốt các chức năng công cộng.

Khái quát theo Charnovitsze (1997), có thể phân loại một số giai đoạn phát triển XHDS xét theo mức độ, hình thức tham gia và tính chất hoạt động cụ thể ở cấp quốc tế, chủ yếu ở châu Âu:

Giai đoạn lịch sử 1775 - 1918 - Giai đoạn mới xuất hiện các tổ chức XHDS ở xã hội châu Âu;

1919-1934 - Có sự tham gia của XHDS;

1935-1944 - Không tham gia;

1945-1949 - Hợp thức hoá sự tham gia của XHDS;

1950-1971 - Sự tham gia hạn chế của XHDS;

1972-1991 - Tăng cường sự tham gia của XHDS;

1992 đến nay - Tạo quyền nâng cao năng lực của XHDS.

Trên thế giới, việc nghiên cứu và bàn luận về XHDS (khái niệm, lí luận) đã được mở rộng hơn trong những cuộc thảo luận mới vào thập kỉ 1980, khi các nỗ lực dân chủ hoá ở Đông Âu và Mỹ Latinh gia tăng, trong đó có việc bàn luận và xem xét lại khái niệm và sử dụng chúng như công cụ cho các đấu tranh dân chủ (Kaldor 1999, Cohen và Arrato 1994). Những thực nghiệm mới về dân chủ được mở ra nhằm tìm kiếm và tuyên

bổ không gian chính trị đã là nơi tụ lại nhiều nhân tố, đối tác liên quan.

Vào thập kỉ 1990, do gia tăng ảnh hưởng toàn cầu hoá (về công nghệ, nguồn vốn thông tin, thương mại vv), nảy sinh nhiều vấn đề quản trị khu vực và quốc gia và mục tiêu phát triển chung khác cần hợp lực giải quyết. Nhiều cách thức hợp tác cũ đã lỗi thời hoặc không đủ để giải quyết, do vậy đòi hỏi có nhiều hình thức mới về thương lượng và đối thoại ở cấp khu vực và toàn cầu để giải quyết hiệu quả hơn đối với những vấn đề mang tính chất phổ biến, thách thức, vượt ra bên ngoài phạm vi từng quốc gia, vùng lãnh thổ như nạn nghèo đói, ô nhiễm môi trường, bất bình đẳng giới, thương mại v.v... Chẳng hạn, tham nhũng là hiện tượng xuyên quốc gia, khu vực và trở thành vấn đề quan tâm lớn ở lĩnh vực công.

Giai đoạn làn sóng tự do hoá kinh tế bắt đầu từ 1980, làn sóng dân chủ hoá 1990 sau Chiến tranh Lạnh và chương trình quản trị mới đã tạo ra nhiều lực đẩy cho các nỗ lực đấu tranh chống tham nhũng. Do trong hầu hết các tranh luận chính thống, trong 3 nhân tố nhà nước, thị trường và XHDS, thì hai nhân tố nhà nước và thị trường được đặt lên hàng đầu trong chống tham nhũng. Tuy nhiên, nhiều tác giả cho rằng cần tập trung vào các lực lượng kinh tế và chính trị, về toàn cầu hoá, nhưng không được bỏ qua vai trò của XHDS trong định hình các vấn đề địa phương, quốc gia và toàn cầu. Tác giả Barber cho rằng, các không gian XHDS mới, xuyên quốc gia đã tạo ra khả năng mới đối

với vấn đề công dân xuyên quốc gia, dựa trên cơ sở quyền toàn cầu.

Tác giả khác như Edwards (2003) cho rằng khi bước vào kỉ nguyên đối tác mới, sẽ định hình một phương thức ngoại giao mới, nơi các tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế và chính phủ có thể cùng nhau theo đuổi những mục tiêu chung. Chính bối cảnh ngoại giao mới và chủ nghĩa đa văn hoá mới đã đặt XHDS vào trọng tâm của các tranh luận quốc tế và giải quyết của vấn đề toàn cầu.

Có thể nói, ở cấp toàn cầu, sự tăng cường XHDS bắt đầu tăng mạnh từ giai đoạn sau Sáng kiến đồng thuận Oasinhton, trong đó công nhận hạ tầng xã hội và thể chế mạnh là quan trọng, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển và là nơi có các hình thức quản trị đa dạng hoá và sự tham gia của XHDS là quan trọng.

Ngoài ra, vai trò của các nhân tố như khu vực tư nhân, khu vực công và XHDS đã được xem xét và định hình lại, nổi lên quan niệm mới về công tác quản trị do ảnh hưởng của các nhân tố lợi nhuận và phi lợi nhuận. Việc mở rộng vai trò của XHDS, như tác giả Ruggie (2003) cho thấy, là vai trò độc quyền nhà nước cũng đang thu hẹp dần và chính XHDS đã thách thức lại quan niệm thực tế về vai trò nhà nước vốn được coi như một nhân tố chủ đạo trong xã hội.

Vai trò của XHDS có ảnh hưởng mạnh mẽ ở những lĩnh vực tạo ra và thực hiện chuẩn mực trong việc ngăn cản hay thúc đẩy các thương thảo quốc tế, khu vực. Ví dụ, các

thoả thuận đầu tư đa phương đã bị các nhân tố XHDS ngăn chặn v.v...

Mỗi quan hệ 3 bên trong giải quyết một số vấn đề quan trọng như phòng và chống tham nhũng cho thấy XHDS có thể đi sâu ở những nơi mà chính phủ không thể bao phủ hết, đặc biệt nơi lực lượng thị trường đôi khi có thể không hoạt động và đạt kết quả mong muốn. Đặc biệt XHDS có thể đóng vai trò phê phán, xúc tác vận động cho những lợi ích vốn không được thể hiện hoặc ít được thể hiện.

XHDS có thể thực hiện với tư cách là nhóm áp lực đòi hỏi nhà nước phải tăng cường trách nhiệm giải trình, công khai và XHDS có trách nhiệm phản biện trong các tranh luận chính thống của nhà nước và doanh nghiệp.

Ở cấp toàn cầu, sự tham gia của XHDS tại các diễn đàn xã hội đã được gia tăng đáng kể từ năm 2001. Một số tổ chức như Tổ chức Minh bạch quốc tế với hơn 100 thành viên quốc gia (thành lập năm 1993) đã rút kinh nghiệm từ sự hoạt động của nhiều tổ chức XHDS luôn có đối đầu với nhà nước và khu vực tư nhân, hoặc kém hiệu quả, nên đã nêu ra các nguyên tắc xây dựng liên minh, không đối đầu, xây dựng đối tác, phi đảng phái và thu hút sự tham gia rộng rãi của mọi lĩnh vực trong xã hội. Hoặc một số tổ chức khác như Tổ chức Hiệp hội các Thẩm phán Quốc tế (IAP) (1995), Hiệp hội Phòng Thương mại Quốc tế (1919), Toà án Hoà giải Quốc tế (1923), Sáng kiến Quốc tế về Chống Tham

những và Quản trị (2001) cũng đã tuân theo những nguyên tắc này.

Đặc biệt, phạm vi tham gia củaXHDS trong lĩnh vực quản trị công bắt đầu được mở rộng từ 1990. Các nhân tố quốc tế và quốc gia ngày càng quan tâm đến các tiếp cận tạo quyền đã tạo ra không gian mở rộng hơn cho nhiều phong trào xã hội, đưa các vấn đề quan tâm chung lên bàn nghị sự.

Hình thức tham gia chính trị mới đã tạo ra cơ hội để công dân bày tỏ, tranh luận, đáp ứng và giải quyết những vấn đề nảy sinh, là dấu hiệu của sự tham gia dân chủ. Việc tham gia của công dân vào những không gian chính trị này nhằm tạo điều kiện tăng cường các thiết chế dân chủ, là cơ hội để xem xét, định hình lại các quan hệ và các khả năng mới có thể vượt ra bên ngoài quan hệ tương tác công dân – nhà nước theo kiểu truyền thống, và điều này có thể bao gồm việc hình thành những liên minh phức tạp, các nhân tố mạng lưới xuyên suốt, các ranh giới thể chế và mở rộng tầm nhìn của lĩnh vực công (Cornwall, 2001, Fung Wrights 2003, Hauer Wagenaar 2003).

Nghiên cứu về cơ sở xã hội của các phong trào XHDS là mối quan tâm chung hiện nay.

Về số lượng tổ chức: Số lượng các tổ chức XHDS quốc tế tăng mạnh trên toàn cầu. Nếu tính ở cấp độ toàn cầu, số lượng tổ chức phi chính phủ quốc tế tăng từ 13.000 (1981) lên đến 47.000 (2001) (Adhier T. 2002), sự liên kết giữa các tổ chức XHDS ngày càng

tăng mạnh thông qua những hình thức, các hoạt động chung như xây dựng, các qui định, hội nghị thượng đỉnh cấp toàn cầu, khu vực v.v... Vị thế các nhóm xã hội, tổ chức XHDS hoạt động ngày càng nổi lên, thu hút sự chú ý của công chúng và gia tăng nỗ lực hoạt động cụ thể trong việc giải quyết vấn đề nghèo đói, nợ quốc tế, chống tham nhũng.v.v... Những vấn đề này có hàm ý quan trọng đối với khung khổ mà các quan điểm cổ điển về XHDS theo đuổi.

Nhà nước, doanh nghiệp, và XHDS nổi lên và chia sẻ những điểm trùng hợp ở nhiều lĩnh vực khác nhau, ví dụ, như chống tham nhũng v.v... Những lĩnh vực này có nhiều sáng kiến tạo ra các cơ hội mới về sự trùng hợp, hội tụ giữa các tác nhân và các bên liên quan khác nhau. Ở cấp độ địa phương, nổi lên không gian cho XHDS tham gia, đòi hỏi có sự qui tụ, trùng hợp với các nhân tố nhà nước và thị trường. Ở cấp quốc tế cũng tương tự. Điều này đã đặt nền tảng cho việc “giải mã huyền thoại” về các quan niệm kinh điển khắt khe về đạo đức và đức tin của tôn giáo (puritanism) về XHDS trong đấu tranh chống tham nhũng, cả ở cấp độ địa phương và toàn cầu.

Các nghiên cứu đã tập trung tìm hiểu cấu trúc các tổ chức, cơ cấu, sự phát triển, các hoạt động và chức năng, loại phương pháp được sử dụng để đạt mục tiêu. Nhiều lĩnh vực là trọng tâm tranh cãi như: vấn đề hợp pháp, sự hợp hiến, việc đại diện trong các tổ chức XHDS; những “vùng mờ xám” trong quan niệm về XHDS toàn cầu;

sự phân chia Bắc và Nam; thành phần và thành viên của phong trào XHDS liên quốc gia (các quy tắc nền tảng cơ bản (tenét), qui tắc ứng xử, qui tắc đạo đức, qui định của tổ chức (Hiến chương) vv...); phong trào sử dụng, tăng cường sử dụng các công nghệ mới (trang web, blog), khả năng có thể mắc sai lầm (fallibility)... như quan tâm mới về XHDS.

Một số lĩnh vực quan tâm và chương trình nghị sự đòi hỏi tiếp tục nghiên cứu và vận động bao gồm: tư duy lại về ranh giới giữa XHDS, nhà nước và thị trường, đặc biệt trong việc thúc đẩy các phong trào XHDS toàn cầu liên quốc gia; sự hợp pháp hoá về XHDS toàn cầu; về đánh giá nội bộ tổ chức; vấn đề liên quốc gia hoá, vấn đề phong trào XHDS v.v...

Có hai quan điểm về tính hợp pháp của XHDS toàn cầu: Thứ nhất, thúc đẩy những lợi ích công (TI,2000); Thứ hai, bắt nguồn từ hiểu biết chung về quyền được hiện diện và thực hiện một điều gì đó cho xã hội, tuân tuý theo quan điểm cấu trúc - chức năng. Khi tổ chức được công nhận theo luật, nó sẽ có đủ lí do để bắt đầu hành động. Mặt khác, XHDS sẽ đại diện các lợi ích và yêu cầu của người khác như thế nào. Ví dụ, về mức độ đại diện cho xã hội, song song, đối đầu với chính phủ, về quyền phát ngôn của một số XHDS thay mặt nhóm xã hội nào đó.

Về bản chất của XHDS, mức độ tin cậy đến đâu khi họ nói thay các cử tri của mình đặc biệt ở cấp quốc tế và khu vực, nơi thường là đại diện quốc gia và ít có kênh

chính thức để các yêu cầu đại chúng được thể hiện?

Do vậy, song song các hội nghị lớn thường có các diễn đàn phi chính phủ NGOs, theo đó NGOs tham gia vào các chế độ khu vực hay toàn cầu dường như có xu hướng thực hiện qua các mạng lưới các nhóm lợi ích hơn là theo đại diện các cấu trúc đại diện chính thức (Edwards 2003). Song liệu có chắc chắn là những tiếng nói sẽ được lắng nghe trong các mạng lưới liên minh phi chính phủ v.v... Và sẽ có những khác biệt nào khi các thành viên tham gia lại khác nhau về sức mạnh và nguồn lực? Ai được lợi và ai bị thiệt chi phí về phong trào XHDS v.v...? Đây vẫn là những câu hỏi đặt ra về XHDS được tiếp tục bàn luận ở cấp toàn cầu.

Đặc biệt trong thời gian gần đây, số lượng các tổ chức XHDS mới xuất hiện khá mạnh mẽ ở mọi khu vực, các quốc gia phát triển và đang phát triển. Có thể so sánh, số lượng của XHDS tăng đáng kể vào cuối thế kỉ 20 và đầu thế kỉ 21 cũng tương tự như sự tăng cường các nhà nước vào cuối thế kỉ 19 và đầu thế kỉ 20.

2. Lịch sử phát triển XHDS ở châu Âu: Vài nét khái quát chung và những nội dung tranh luận

Như đã đề cập, thuật ngữ "XHDS" có lịch sử phát triển lâu đời trong triết học chính trị và những định nghĩa lí giải về XHDS thay đổi theo thời gian, từ nhiều góc độ, truyền thống tư tưởng khác nhau, và kéo dài từ

trường phái triết học cổ La Mã, Hegel, Mác-xít và Gramscian (Nhà tư tưởng triết học nổi tiếng người Mỹ), đặc biệt, đến giai đoạn phục hồi quan tâm về XHDS được tăng cường mạnh mẽ ở châu Âu nói riêng và phương Tây nói chung vào đầu thập kỉ 1990.

Các tài liệu nghiên cứu (Tiago Fernandes, 2005, dẫn theo Tilly C, 1997, 1998, Wessel 1997, Bermeo N 2000, Black Anthoni, 1984 và nhiều tác giả khác...), khái quát một số cột mốc lịch sử chính về phát triển XHDS ở châu Âu.

Nhìn chung, trước thế kỉ 18, trong các xã hội châu Âu, bên cạnh các hình thức quan hệ dòng họ, làng xã, cộng đồng, gia đình hoàng tộc, sở hữu điền trang thái ấp, đã tồn tại nhiều kiểu, loại hiệp hội tự nguyện truyền thống như các hội, phường nghề thợ thủ công, nhóm tôn giáo, từ thiện và có sự phân rẽ giữa các nhóm sắc tộc, nhà thờ, tín ngưỡng v.v... Theo đà xã hội phát triển, các tổ chức theo kiểu truyền thống không thể đóng vai trò thiết chế quan trọng nhằm giúp giải quyết các xung đột mới nảy sinh; Ví dụ, trong quan hệ giữa chủ sử dụng lao động và người lao động, hoặc để mở rộng quyền bầu phiếu phổ quát, quyền tự do hội họp trong xã hội v.v...

Trong suốt thế kỉ 18-19, ở châu Âu đã diễn ra một số thay đổi chính trị, xã hội quan trọng như quá trình phát triển công nghiệp hoá, vô sản hoá, tăng cường trình độ dân trí, mở rộng quyền phổ thông đầu phiếu, xây dựng và củng cố các nhà nước dân tộc. Vào

cuối thế kỉ 18, cùng với sự phát triển của CNTB và quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá, sự phát triển chính trị nhanh chóng v.v... đã kích thích xuất hiện những nhóm xã hội mới như giai cấp tư sản - vô sản, các ngành nghề mới, phân loại theo nhóm/ngành, lĩnh vực kinh tế. Các hành động tập thể có tổ chức - kiểu hiệp hội có tổ chức như cuộc Cách mạng Tư sản Pháp, đã tạo ra đòn bẩy phân chia hệ tư tưởng chính trị thành phái tả - hữu, mở đường cho phong trào đấu tranh, xác định quyền giữa người thống trị và người bị trị, và các quyền công dân v.v..., hình thành nên các đảng phái chính trị, các nhóm lợi ích, hiệp hội hoạt động trên tinh thần tự nguyện...

Sự hình thành nền tảng nhà nước dân tộc đã tạo ra và củng cố sự tự ý thức cao hơn ở các nhóm xã hội, góp phần hình thành các quan hệ gắn kết đối với bộ phận chính trị ở phạm vi rộng, qua đó thúc đẩy tái cấu trúc hoặc giải thể các đơn vị xã hội dựa trên quan hệ cộng đồng và gia đình theo kiểu cũ, và nhà nước đã trở thành nơi cung cấp dịch vụ hàng hoá công thiết yếu và chủ chốt.

Theo thời gian, trong các xã hội châu Âu phát triển, khi nhà nước càng trở nên có tính chất tập quyền, kiểm soát cao hơn, đã xuất hiện các nhóm xã hội mới, hình thành các bản sắc chính trị mới, với các hành động tập thể, các hội tình nguyện nhằm mục đích đấu tranh, thương lượng, thoả thuận về các lợi ích. Bên cạnh các thể chế tiền hiện đại như nghiệp đoàn, đã xuất hiện các hiệp hội chính thức nhằm củng cố, phát triển tính tự

tổ chức của các đảng phái, các lực lượng chính trị v.v...

Ở các quốc gia châu Âu, trong giai đoạn đầu phát triển đã có những khác biệt, chênh lệch lớn về đặc điểm tổ chức kiểu hiệp hội tự nguyện, về vai trò chính trị của các hiệp hội, về số thành viên, mức độ bao phủ, thành phần XHDS v.v... Nhìn chung, các hiệp hội thiết lập mối quan hệ tương tác với nhà nước, thông qua những hành động thương lượng cụ thể và tạo ra áp lực để đẩy mạnh lợi ích của mình, thông qua việc thực hiện các giao kèo, ký kết các hợp đồng nhỏ lẻ với các bộ trưởng/nhà nước v.v... Ở mỗi quốc gia, việc áp dụng các qui định, luật lệ, các quyền về thành lập hội là không giống nhau. Ví dụ, trong thế kỉ 19, ở Đức áp dụng luật hạn chế về hoạt động hiệp hội; Luật của Anh đặc biệt trực tiếp chống lại các tổ chức của giai cấp công nhân. Ngược lại, các quốc gia Bắc Âu, Thụy Sĩ lại tỏ ra khoan dung hơn và cho phép các kiểu loại hiệp hội tồn tại và hoạt động.

Đặc biệt, giai đoạn sau năm 1918, bản chất và sự phát triển các tổ chức, mẫu hình XHDS ở châu Âu đã có những khác biệt lớn hơn. Xuất hiện nhiều hình thức mới (ví dụ, tổ chức công đoàn) tham gia vào vấn đề hình thành, thương lượng lợi ích giữa chủ tư bản và người lao động, và đặc biệt là bắt đầu quá trình tham vấn với nhà nước trên cơ sở lâu dài và sau đó được thể chế hoá chính thức và đưa vào hệ thống thương lượng của nhà nước.

Các lợi ích nhà nước, công nghiệp, thương mại và hiệp hội đã trở thành trọng tâm, và vai trò của các đảng phái, cử tri và Nghị viện trong vấn đề hành động hình thành lợi ích, xác định các chính sách công quốc gia được khẳng định rõ ràng hơn. Điều này cũng có nghĩa là XHDS ngày càng gắn bó chặt chẽ với nhà nước, và thiết lập nên bộ máy tổ chức, đội ngũ riêng. Các mẫu hình phát triển XHDS ngày càng đa dạng hơn trong xã hội châu Âu.

Giai đoạn sau năm 1945, ở các quốc gia châu Âu, sự phát triển XHDS với những mẫu hình nổi trội, các mức độ phổ biến diễn ra tùy thuộc vào đặc điểm, điều kiện và mối quan hệ tương tác giữa XHDS và nhà nước. XHDS thực hiện các hành động thoả thuận trực tiếp, và có nhiều nỗ lực tác động ảnh hưởng đến chính sách công, với rất nhiều hình thức khác nhau.

Vào nửa cuối thế kỉ 20, khái niệm XHDS đã được mở rộng hơn. Tác giả Anheir và Carlson (2001) dẫn một số công trình bàn về quan niệm, tiếp cận khác nhau. Ví dụ, xem xét XHDS gắn với quan niệm về dân sự (civility) (Elias, 1994), sự tham gia đại chúng và tư duy dân sự (Verba et al, 1995), khu vực công (Habermas 1992), vốn xã hội (Putnam, 1993, 2000, Coleman 1988, 1990), văn hoá (Gramsci 1971) và cộng đồng (Etzioni, 1971, 1993). Qua đó, các tác giả làm rõ về bản chất, các thành tố, biểu hiện XHDS, ví dụ, về các giá trị và chuẩn mực - sự khoan dung là biểu hiện của dân sự, về vai trò của truyền thông và trí thức, về mối

liên hệ về lòng tin giữa con người với con người, về các giá trị đạo đức được tạo ra ở cộng đồng và mức độ đóng góp của công dân cho không gian công cộng chung vv...

Trong bối cảnh những năm công nghiệp hoá cuối thế kỉ 20, khi bức tường Berlin và khối XHCN Trung và Đông Âu, Xô viết sụp đổ năm 1989, quá trình phát triển kinh tế thị trường theo hướng tự do, hoà nhập châu Âu, toàn cầu hoá v.v... việc áp dụng khung khổ trật tự kinh tế mới và tuân thủ theo khuôn khổ qui định của WTO, World Bank và IMF v.v..., đã mở ra những cơ hội và thách thức mới, và tăng cường mối quan tâm và phát triển XHDS ở châu Âu và trên toàn cầu.

Cụ thể, theo khuôn khổ chương trình nghị sự Tân tự do - còn gọi là Đồng thuận Oasinhton, đạt đến đỉnh điểm ở các trung tâm quyền lực phương Tây vào cuối thập kỉ 1980, nhiều đề xuất chính sách đặc biệt được áp dụng đối với các nước chuyển đổi, hoặc thế giới thứ ba như: tự do hoá thương mại, tư nhân hoá, giải điều tiết, xóa bỏ các rào cản cho luồng FDI, công nghệ thông tin lưu chuyển tự do, tăng cường sở hữu trí tuệ và cải cách thuế v.v... Có nghĩa là, tinh thần Đồng thuận Wasinhton đã chỉ đạo: Nhà nước, đặc biệt ở các nước chuyển đổi và thế giới thứ ba, cần phải rút lui dần khỏi khu vực xã hội; Thị trường cần được tự do phát triển vượt ra khỏi mọi rào cản. Và mọi người trong XHDS cần tự tổ chức tái sản xuất kinh tế và xã hội, thay vì dựa vào nhà nước như cũ. Tuy nhiên, ý tưởng về việc mọi người dân trong XHDS cần tự mình tái tổ chức lại,

xuất hiện đúng vào thời điểm toàn cầu hoá, đã làm suy giảm năng lực của người dân nhằm tự lập lại trật tự của chính mình. Và do vậy, nhằm đạt mục đích này, nếu chỉ dựa vào lực lượng thị trường là không đủ, vì thị trường vốn chỉ dành cho những ai có khả năng bán và mua. Thị trường không mở ra hoặc mở ra rất hạn hẹp cho những người không thể tham gia giao dịch (ví dụ, các nhóm bên lề, yếu thế, nhóm các quốc gia nghèo v.v...), vì những người này không có gì để bán hoặc không thể tìm được người mua cái họ sẽ bán, ví dụ, sức lao động. Nhiều người dân đã phải tự chăm lo đến điều kiện tái sản xuất của chính mình và gia đình.

Tuy vậy, chính vào thời điểm này, việc nhà nước thu hẹp vai trò đã mở ra “khoảng không gian” mới, nổi lên với tên gọi là XHDS và các tổ chức XHDS - kể cả khi các tổ chức này thực hiện các hợp đồng chỉ mang tính chất phụ trợ, chia sẻ đối với nhà nước. Cơ hội mới mở ra cho các tổ chức XHDS tham gia gánh đỡ chức năng, vai trò (vốn thuộc nhà nước) như cung cấp y tế, giáo dục, thành lập nên các chương trình tạo việc làm tăng thu nhập, tạo ra mạng lưới an toàn và khuyến khích mọi người phát huy tinh thần tự lực cánh sinh.

Khu vực XHDS ở quốc gia hoặc toàn cầu đã được Đồng thuận Oasinhton tích cực thúc đẩy.

Sau đó, vai trò của XHDS tiếp tục được thúc đẩy bởi Đồng thuận Hậu Wasinhton. Đó là, giai đoạn giữa thập kỉ 1990, sau khi rút ra một số bài học kinh nghiệm do việc áp dụng

những tư tưởng giáo điều về thương mại tự do và phát triển thị trường không điều tiết đã vấp phải rủi ro lớn, khi Mêhicô rơi vào khủng hoảng tài chính năm 1994, kéo theo khủng hoảng tài chính Đông Á, Nhật Bản, Braxin, và LB Nga năm 1997-1998, và nảy sinh nhiều vấn đề xã hội, gia tăng khoảng cách giàu nghèo, bất công và khủng hoảng xã hội. Chính điều này đã làm phá sản Đồng thuận Wasinhton và buộc phải xem xét lại chính sách thị trường theo quan điểm tân tự do.

Điều này buộc các tổ chức thương mại, tài chính quốc tế phải thay đổi dần quan điểm, không ủng hộ phát triển hướng thị trường tự do mà không chịu sự trói buộc (kiềm toà), và sẽ chuyển dần sang thực hiện ý tưởng, rằng cả thị trường và các quá trình diễn biến của toàn cầu hoá cần phải được quản trị tốt. Việc quản trị các hoạt động của quá trình toàn cầu hoá (lưu chuyển luồng vốn tư bản, thương mại, mở cửa thị trường...) cần được tăng cường. Nói cách khác, quá trình toàn cầu hoá sẽ không được coi là hợp pháp, nếu nó bị để rơi vào tay các tổ chức tư nhân (các nhà nghiệp đoàn) hoặc đặt dưới "bàn tay vô hình" của thị trường.

Sự việc này đã thúc đẩy và tạo ra những chuyển đổi mạnh mẽ trong các tuyên bố về toàn cầu hoá, và thay thế ngôn ngữ thị trường bằng ngôn ngữ quản trị, minh bạch và dân chủ. Chẳng hạn, Tổ chức Ngân hàng Thế giới, dưới ảnh hưởng quan điểm nhà kinh tế Joseph Stiglitz (được giải thưởng Noben Kinh tế), lên tiếng phê phán về loại thị trường

không bị trói buộc (kiềm toà), và thúc đẩy các thiết chế tài chính quốc tế chuyển từ quan điểm định hướng trọng tâm kinh tế hẹp về phát triển, sang việc xây dựng khung khổ phát triển tổng thể, và áp dụng chính sách điều tiết, và điều chỉnh quá trình toàn cầu hoá.

Đồng thuận Hậu Wasinhton tập trung thảo luận vào một số vấn đề chính như: Quá trình toàn cầu hoá là đặc biệt quan trọng, do vậy, không thể để rơi vào tay thế giới các tập đoàn vô giới hạn, mà cần phải điều chỉnh nó, thông qua việc "quản trị", đảm bảo minh bạch, trách nhiệm giải trình, nâng cao năng lực và xây dựng các mạng lưới an toàn (an sinh xã hội); Nhà nước không nên được thay thế quá nhiều bởi thị trường, mà cần thu hút sự tham gia củaXHDS, vì các tổ chức này đại diện cho nguyện vọng người dân và tăng cường dân chủ. Có nghĩa là, theo sơ đồ chính sách Đồng thuận Hậu Wasinhton, các lĩnh vực của thị trường và giao dịch phi thị trường mang tính tách biệt.

Đồng thuận Hậu Wasinhton khẳng định chỉ có tổ chức XHDS mạnh, dưới sự hướng dẫn của các tổ chức phi chính phủ mới có thể thúc đẩy dân chủ mạnh hơn, tuy nhiên, ở đây không phải theo hướng thông qua con đường tranh luận dân chủ, mà chủ yếu là thông qua việc xây dựng "vốn xã hội" và tạo dựng lòng tin giữa người dân với nhau. Kết quả là xu hướng chuyển từ nhà nước sang thị trường đã được thay thế bằng việc chuyển từ nhà nước sang XHDS dựa trên nền tảng mạng lưới lòng tin.

Mặc dù, về danh nghĩa, có thay đổi trong một số tuyên bố trong Đồng thuận Hậu Oasinhton, song nhìn chung, nó vẫn lưu giữ một số thành tố quan trọng của quan điểm Đồng thuận Tân tự do trước kia. Nghĩa là nó vẫn không đề cập, xem lại vấn đề như: Liệu thị trường tự do có khuyến khích dân chủ hoặc vai trò của nhà nước thể chế hoá và thực hiện dân chủ hay không; Và cho rằng, việc thu hẹp tối đa vai trò nhà nước và thị trường tự do, sẽ tiếp tục tạo điều kiện để phát triển XHDS mạnh và dân chủ. Cộng đồng quốc tế tiếp tục lập các chính sách tập trung vào vấn đề quản lý những bất đồng nảy sinh nhằm phản ứng lại với những vấn đề trọng tâm của toàn cầu hoá, đó là tự do hoá và quy trình tái điều tiết. Chẳng hạn, quan điểm của Đồng thuận Hậu Oasinhton đã xem xét việc đấu tranh, bày tỏ sự phản đối – (một phần cơ bản của XHDS), chỉ là những vấn đề cần được giải quyết thông qua kỹ thuật quản lý, và không công nhận XHDS dân chủ sẽ là cuộc đấu tranh vì thế giới “tốt đẹp” hơn, và coi đó là vấn đề chính trị, là tầm nhìn và nguyện vọng chung, chứ không thuần túy chỉ là vấn đề quản trị và/hoặc chỉ là biện pháp trung hoà những căng thẳng đụng độ và vẫn không đề cập đến nền tảng mối quan hệ bất bình đẳng trên thế giới hoặc giữa các quốc gia v.v...

Trong bối cảnh đó, trong giới học giả phương Tây đã dấy lên những tranh luận về “song đề nan giải” - mối quan hệ giữa nhà nước và xã hội và về tương lai một trật tự toàn cầu mới và vai trò XHDS. Nổi bật lên là

những lo ngại về tương lai của chế độ nhà nước phúc lợi và sự gắn kết xã hội. Cụ thể, các quan điểm tranh luận về XHDS hiện đại ở châu Âu (WP, IDS, 1996) xoay quanh một số vấn đề chính:

Thứ nhất, Các quan điểm bàn luận xung quanh việc xem xét lại vai trò của nhà nước, thông qua hướng “giải thể” hệ thống dịch vụ phúc lợi xã hội (vốn do nhà nước cung cấp), và dẫn đến kì vọng gia tăng về vai trò của khu vực thứ ba (XHDS, phi lợi nhuận), nó sẽ tham gia cung cấp dịch vụ trực tiếp và với giá cả rẻ hơn ở cơ sở cộng đồng. Tuy nhiên, một số quan điểm khác cho rằng, để phát triển hệ thống phi lợi nhuận cần phải có thời gian, hoặc e ngại về sự quá tải của khu vực này và dẫn đến tình trạng chất lượng dịch vụ công thấp kém. Do vậy, đã xuất hiện nhiều nghiên cứu tìm hiểu những vấn đề cụ thể của khu vực XHDS phi lợi nhuận như: vấn đề quản lý, các nguồn quỹ hoạt động, môi trường pháp lý qui định và điều tiết, nền tảng giá trị và mối quan hệ giữa XHDS và nhà nước v.v...

Thứ hai, Mối lo ngại ngày càng tăng lên về xu hướng suy giảm “vốn xã hội” trong phát triển kinh tế thị trường theo kiểu tự do, gia tăng chủ nghĩa cá nhân, cũng như việc xem xét lại vai trò nhà nước, có thể dẫn đến suy giảm chất keo dính kết xã hội để duy trì hoạt động, điều hành quốc gia. Chất keo dính kết xã hội này được gọi là “vốn xã hội” là những thành tố đạo đức cơ bản của XHDS, bao gồm: sức mạnh của trách nhiệm gia đình, hoạt động tình nguyện ở cộng đồng,

không vụ lợi, vị kỉ, tinh thần công cộng và dân sự. Các xã hội cần phải dành nhiều nỗ lực nhằm phục hồi ý tưởng, tinh thần cộng đồng, sự tình nguyện và hiệp hội.

Thứ ba, Sự vượt thắng của CNTB sau Chiến tranh Lạnh, với sự phổ biến mạnh mẽ hơn các giá trị nền tảng của hệ thống thị trường tự do, gia tăng chủ nghĩa cá nhân và các thị trường mở, đi kèm với việc thu hẹp, hạn chế tối đa vai trò của chính phủ, thông qua việc thiết lập hệ thống “kiểm tra và cân đối” mạnh mẽ hơn trong các xã hội. Các nền kinh tế kế hoạch tập trung được giải thể, tái tổ chức sản xuất và thiết lập hệ thống thị trường tự do. Một phần của “cơ chế” thiết lập thị trường, thực hành quản trị nhà nước là cần phải chú ý đến vai trò của khu vựcXHDS, phi lợi nhuận, tình nguyện. Một số học giả phương Tây thể hiện lạc quan khi giả định rằng, chính tinh thần dân sự, dân chủ hoá, sẽ tạo ra tinh thần thực thi các hợp đồng dịch vụ, các bổn phận mới mà không cần nhiều chế tài, sẽ đóng góp cho phát triển, tăng trưởng kinh tế v.v... XHDS được kì vọng là sẽ đóng vai trò cần thiết để kiểm tra tính đại diện, giám sát hiệu quả các chính sách của nhà nước, và duy trì chủ nghĩa tư bản theo định hướng phúc lợi v.v...

Thứ tư, Về đặc điểm quá trình mở rộng toàn cầu hoá dân chủ, với kì vọng các hỗ trợ cải thiện dân chủ, thể chế hoá dân chủ (bầu cử, đa đảng vv), việc thúc đẩy tính tiên phong, vai trò phản biện, giám sát của XHDS sẽ góp phần làm cho các chính phủ trở nên dân chủ hơn.

Thứ năm, Mở rộng XHDS (cấp quốc gia, châu lục, toàn cầu) nhằm đáp ứng tốt hơn đối với những thay đổi toàn cầu về hệ thống tổ chức nhà nước. Các tranh luận này sinh xoay quanh vấn đề chủ quyền, trách nhiệm của nhà nước đối với một số vấn đề toàn cầu, đặc biệt đối với những vấn đề vượt ra ngoài biên giới lãnh thổ quốc gia, mang tính phổ quát chung như nạn suy thoái tài nguyên, môi trường toàn cầu, sự phổ quát hoá các quyền con người, sự can thiệp, đấu tranh đối với nội chiến ở một số nước, hoạt động lạm dụng, bóc lột của các công ty xuyên quốc gia, buôn bán người, ma tuý xuyên quốc gia hoặc châu lục v.v..., không còn là vấn đề riêng thuộc lãnh thổ từng nước mà trở thành vấn đề chung.

Vai trò đại diện, theo dõi, giám sát của các tổ chức XHDS quốc gia, châu lục, toàn cầu sẽ được tăng cường. Các tổ chức này sử dụng các nguồn lực, công nghệ thông tin, mạng lưới kết nối và thể hiện sức mạnh can thiệp mang tính chính trị đạo đức, quyền lực đạo đức và tính hợp pháp. Các tổ chức này được cho là có sức mạnh đạo đức, vì lên tiếng đại diện cho lợi ích công cộng hoặc vì lợi ích xã hội chung, chống lại những lợi ích tiêu cực khác vốn dựa trên việc lạm dụng quyền lực nhà nước hoặc mặt trái của kinh tế thị trường v.v...

Thứ sáu, Quan tâm đặc biệt khác là thúc đẩy vai trò của XHDS trong lĩnh vực hỗ trợ phát triển, nhằm khắc phục những thất bại, tình trạng quan liêu hoặc lạm dụng của nhà nước trong việc sử dụng các nguồn lực hỗ

trợ từ bên ngoài, và một phần khác là khắc phục tình trạng quá phụ thuộc vào thị trường tự do, khi coi đó như những giải pháp chữa bách bệnh v.v... Giải pháp phổ biến là áp dụng phương thức hỗ trợ phát triển ODA, thông qua kênh các tổ chức phi chính phủ, tổ chức cộng đồng, nhằm trực tiếp đáp ứng nhu cầu xã hội cơ bản của các nhóm “bên lề”, yếu thế, “nhóm tách biệt xã hội” trong xã hội v.v... Bên cạnh việc khẳng định những ưu điểm, vai trò mới của XIIDS nổi lên ở những nơi nhà nước hoặc thị trường thất bại, các quan điểm cũng nêu bật những vấn đề quan tâm như quan niệm, nhận thức, cơ sở pháp lý, phương thức hỗ trợ, nâng cao năng lực, quản lý, trách nhiệm giải trình của khu vựcXHDS trong phát triển v.v...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Ngọc Giao, *Xã hội dân sự với nhà nước và thị trường*, Kỷ yếu 30 thành lập Khoa Luật, ĐH Quốc gia Hà Nội.
2. Dương Xuân Ngọc, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng XHDS ở nước ta*, Bản thuyết minh đề tài cấp Bộ năm 2007 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
3. Nguyễn Như Phát, *Xã hội dân sự - kinh nghiệm nước ngoài và bài học cho Việt Nam*, báo cáo tại Hội thảo quốc tế tổ chức tại Viện Khoa học xã hội Việt Nam ngày 28.29/02/2008.
4. Võ Khánh Vinh “Một số vấn đề lý luận về xã hội dân sự”, báo cáo tại Hội thảo

quốc tế tổ chức tại Viện KHXHVN ngày 28,29/02/2008.

5. Lester Salamon, H. Adheir, Regina List, et all *Global civil society: Dimensions of the non profit sector*, John Hopkin Center for civil society Studies, 1999.
6. Putnam D. R. 2002 (ed), *Democracies in Flux. Evolution of social capital*, Oxford, Oxford Univer Press.
7. Anheir K. H và Carlson L, et all 1999, *Global civil society, Dimensions of non -profits sector*, Baltimore.
8. Annheir H, Glasius Marlie, Kaldor Mary, 2001, *Global civil society, Oxford: Oxford university Press*.
9. Anheir K. H và Carlson L. et all 2004, *Global civil society, Dimensions of non profits sector*, Baltimor, Vol 2.
10. Cohen J và Arato A 1992, *Political Theory and Civil society*, Cambridge, MA, MIT press.
11. Thomat Meyer và Nicole Breyer, 2007, *The future of social democracy*, Frierich Ebbert Stiftung.Germany.
12. Edwards M 1998, *Nailing the jelly to the wall*, Edwards associates, London 1998
13. Hall. J (ed) *Civil society: Theory, History, Comparision*, Polity Press, 1995.